TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 399/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 247/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa các đương sự sau:

- *Người yêu cầu*: Ông Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/12/1964. Căn cước số 082xxx do Bộ C cấp ngày 18/12/2024. Địa chỉ: B Chung cư B B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu*: Bà Hà Thị H, sinh ngày 11/5/1981. Căn cước số 34yyy do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022. Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ hiện nay: 208 Chung cư B B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, ngày 24 tháng 5 năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp thì ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị Hồng thuận T ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 12/10/2012. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H xác nhận không có.

- Về nợ chung Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H xác nhận không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn 300.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ông N chịu toàn bộ lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị Hồng thuận T ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 12/10/2012.

Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H xác nhận không có.

- Về nợ chung Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H xác nhận không có

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông Nguyễn Hữu N và bà Hà Thị H phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn 300.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ông N chịu toàn bộ lệ phí 300.000 đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Nguyễn Hữu N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014710 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV4 - TP.HCM;
- Phòng THADS KV4 - TP.HCM;
- UBND xã P, tỉnh Đồng Tháp
(Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 25, quyển số 01 do UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (cũ) cấp ngày 24/5/2004);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu